

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 08.01.2015

Phiên bản 1.2

Phần 1. Nhận dạng hóa chất/chất pha chế và nhận dạng công ty/công việc

1.1 Định dạng sản phẩm

Số Danh Mục	808261
Tên sản phẩm	Trifluoroacetic anhydride for synthesis
REACH Số Đăng ký	Không có số đăng ký cho chất này vì chất này hoặc cách sử dụng của nó được miễn đăng ký theo Mục 2 Quy Định REACH (EC) Số 1907/2006, số lượng hàng hóa hàng năm không yêu cầu đăng ký hoặc đăng ký được xem xét vào thời hạn
Số CAS	407-25-0

1.2 Các ứng dụng đã biết của chất hoặc hỗn hợp và khuyến nghị sử dụng với:

Các sử dụng đã được xác định và khuyến cáo	Hóa chất để tổng hợp Để biết thêm thông tin về cách sử dụng, hãy tham khảo cổng thông tin Các hóa chất của Merck (www.merckgroup.com).
--	---

1.3 Chi tiết về nhà cung cấp Bảng dữ liệu an toàn

Công ty	Merck KGaA * D-64271 Darmstadt * Đức* ĐT: +49 61 51 72-0
Đơn vị phụ trách	Cty TNHH Merck Việt Nam Lầu 9, CentrePoint, 106 Nguyễn Văn Trỗi, Q.Phú Nhuận, TP.HCM
Đại diện khu vực	Thời gian làm việc: Thứ 2 đến thứ 6 (8:00 đến 17:00) Cty TNHH Merck Việt Nam Lầu 9, CentrePoint, 106 Nguyễn Văn Trỗi, Q.Phú Nhuận, TP.HCM

1.4 Điện thoại khẩn cấp

ĐT: +84 8 38420100/ + 84 8 38420117

Phần 2. Nhận dạng các nguy cơ

2.1 Sự phân loại hóa chất hoặc hỗn hợp Phân loại (Quy định số 1272/2008 (EC))

Độc tính cấp tính, Nhóm 4, Hít phải, H332
Ăn mòn da, Nhóm 1A, H314
Độc tính hệ thống lên cơ quan mục tiêu cụ thể (Phơi nhiễm đơn lẻ), Nhóm 3, Hệ hô hấp, H335
Độc tính thủy sinh lâu dài, Nhóm 3, H412
Để xem chi tiết nội dung của Bảng kê H đề cập đến trong mục này, xem mục 16.

Phân loại (67/548/EEC hoặc 1999/45/EC)

Xn	Có hại	R20
C	Ăn mòn	R35
		R52/53

Để biết các cụm từ R đầy đủ ở phần này, xem phần 16.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT
theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục
Tên sản phẩm

808261
Trifluoroacetic anhydride for synthesis

2.2 Các yếu tố nhãn

Dán nhãn (Quy định số 1272/2008 (EC))

Hình đồ cảnh báo nguy cơ



Lời cảnh báo
Nguy hiểm

Cảnh báo nguy hiểm

H314 Gây bỏng da nặng và tổn thương mắt.
H332 Có hại nếu hít phải.
H335 Có thể gây kích ứng hô hấp.
H412 Có hại tới thủy sinh vật do có các ảnh hưởng lâu dài.
EUH014 Phản ứng mãnh liệt với nước.

Các lưu ý phòng ngừa

Biện pháp phòng ngừa

P273 Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường.
P280 Đeo găng tay bảo hộ/ mặc quần áo bảo hộ/ bảo vệ mắt/ bảo vệ mặt.

Biện pháp ứng phó

P301 + P330 + P331 **NẾU NUỐT PHẢI**: Súc miệng. **KHÔNG ĐƯỢC** gây nôn.
P305 + P351 + P338 **NẾU TIẾP XÚC LÊN MẮT**: Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu đang đeo và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa.
P308 + P310 Nếu bị phơi nhiễm hoặc có băn khoăn: Gọi ngay cho **TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC** hoặc bác sỹ.

Ghi nhãn bị giảm (≤ 125 ml)

Hình đồ cảnh báo nguy cơ



Lời cảnh báo
Nguy hiểm

Cảnh báo nguy hiểm

H314 Gây bỏng da nặng và tổn thương mắt.
H412 Có hại tới thủy sinh vật do có các ảnh hưởng lâu dài.
EUH014 Phản ứng mãnh liệt với nước.

Các lưu ý phòng ngừa

P280 Đeo găng tay bảo hộ/ mặc quần áo bảo hộ/ bảo vệ mắt/ bảo vệ mặt.
P301 + P330 + P331 **NẾU NUỐT PHẢI**: Súc miệng. **KHÔNG ĐƯỢC** gây nôn.
P305 + P351 + P338 **NẾU TIẾP XÚC LÊN MẮT**: Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu đang đeo và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa.
P308 + P310 Nếu bị phơi nhiễm hoặc có băn khoăn: Gọi ngay cho **TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC** hoặc bác sỹ.

Số CAS 407-25-0

2.3 Các nguy cơ khác

Được biết là chưa xảy ra.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT
theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục 808261
Tên sản phẩm Trifluoroacetic anhydride for synthesis

Phần 3. Thành phần/thông tin về các phụ liệu

3.1 Chất

Công thức	(CF ₃ CO) ₂ O	C ₄ F ₆ O ₃ (Hill)
Số EC	206-982-9	
Khối lượng mol	210,03 g/mol	

Thành phần nguy hiểm (Quy định số 1272/2008 (EC))

Tên hóa học (Nồng độ)

Số CAS	Số đăng ký	Phân loại
trifluoroacetic anhydride (<= 100 %)		
407-25-0	*	

Độc tính cấp tính, Nhóm 4, H332

Ăn mòn da, Nhóm 1A, H314

Độc tính hệ thống lên cơ quan mục tiêu cụ thể (Phơi nhiễm đơn lẻ), Nhóm 3, H335

Độc tính thủy sinh lâu dài, Nhóm 3, H412

*) Không có số đăng ký cho chất này vì chất này hoặc cách sử dụng của nó được miễn đăng ký theo Mục 2 Quy Định REACH (EC) Số 1907/2006, số lượng hàng hóa hàng năm không yêu cầu đăng ký hoặc đăng ký được xem xét vào thời hạn

Để xem chi tiết nội dung của Bảng kê H đề cập đến trong mục này, xem mục 16.

Thành phần nguy hiểm (1999/45/EC)

Tên hóa học (Nồng độ)

Số CAS	Phân loại
trifluoroacetic anhydride (<= 100 %)	
407-25-0	Xn, Có hại; R20
	C, Ăn mòn; R35
	R52/53

Để biết các cụm từ R đầy đủ ở phần này, xem phần 16.

3.2 Hỗn hợp

Không áp dụng được

Phần 4. Các biện pháp sơ cứu

4.1 Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Lời khuyên chung

Người sơ cứu cần tự bảo vệ mình.

Sau khi hít phải: không khí sạch. Gọi bác sĩ.

Trong trường hợp tiếp xúc với da: Cởi bỏ tất cả các quần áo bị nhiễm độc ngay lập tức. Rửa sạch da bằng nước/ tắm. Gọi bác sĩ ngay lập tức.

Sau khi tiếp xúc với mắt: rửa sạch bằng nhiều nước. Gọi bác sĩ nhãn khoa ngay lập tức.

Sau khi nuốt phải: cho bệnh nhân uống nước (tối đa hai cốc), tránh nôn mửa (nguy c thủng dạ dày).

Gọi bác sĩ ngay lập tức. Không cố trung hòa.

4.2 Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất, biểu hiện cấp tính và biểu hiện chậm

Kích ứng và ăn mòn, Ho, Khó thở

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT
theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục
Tên sản phẩm

808261
Trifluoroacetic anhydride for synthesis

Rủi ro bị mù!

4.3 Những dấu hiệu cần sự chăm sóc y tế tức thời và điều trị đặc biệt

Không có thông tin.

Phần 5. Các biện pháp cứu hỏa

5.1 Các phương tiện chữa cháy

Các phương tiện chữa cháy phù hợp

Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh.

Các phương tiện chữa cháy không phù hợp

Nước, Bọt

5.2 Các nguy cơ đặc biệt bắt nguồn từ hóa chất và hỗn hợp

Không dễ cháy.

Đám cháy xung quanh có thể giải phóng hơi nguy hiểm.

Hỏa hoạn có thể gây ra sự biến đổi của:

Hydroflorua

Có thể không tiếp xúc với:

Nước

Thận trọng! khi tiếp xúc với sản phẩm nước:

Axit hữu cơ

5.3 Lời khuyên dành cho lính cứu hỏa

Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa

Chỉ ở trong khu vực nguy hiểm khi có thiết bị hô hấp khép kín. Tránh tiếp xúc với da bằng cách giữ khoảng cách an toàn hoặc bằng cách mặc quần áo bảo hộ phù hợp.

Thông tin khác

Làm lắng khí, hơi, sương bằng tia bụi nước. Ngăn chặn việc nước chữa cháy gây ô nhiễm cho nguồn nước mặt hoặc hệ thống nước ngầm.

Phần 6. Các biện pháp đối phó với sự cố phát thải

6.1 Biện pháp phòng ngừa cá nhân, trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó khẩn cấp

Lời khuyên dành cho nhân viên trong trường hợp không khẩn cấp: Tránh tiếp xúc với hóa chất. Không được hít hơi, aerosol. Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Sơ tán khỏi khu vực nguy hiểm, quan sát quy trình ứng phó khẩn cấp, tham khảo ý kiến chuyên gia.

Lời khuyên dành cho người ứng cứu khẩn cấp: Thiết bị bảo hộ xem phần 8.

6.2 Các biện pháp phòng ngừa về môi trường

Không được đổ xuống cống.

6.3 Các phương pháp và vật liệu để chứa đựng và làm sạch.

Đậy cống. Thu thập, buộc và xả vết tràn.

Quan sát các hạn chế về chất có thể (xem các phần 7 và 10).

Giữ vai trò là chất hấp thụ chất lỏng (ví dụ Chemizorb®). Vứt bỏ đúng cách. Dọn sạch khu vực bị ảnh hưởng.

6.4 Xem các mục khác

Các chỉ dẫn về xử lý chất thải xem phần 13.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT
theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục
Tên sản phẩm

808261
Trifluoroacetic anhydride for synthesis

Phần 7. Các lưu ý khi thao tác và lưu trữ

7.1 Các biện pháp phòng ngừa để thao tác an toàn với hóa chất

Các biện pháp phòng ngừa để sử dụng, thao tác an toàn

Giữ cho nơi làm việc khô ráo. Không để sản phẩm tiếp xúc với nước.

Làm việc có mũ bảo hộ. Không hít chất/hỗn hợp. Tránh tạo ra hơi/thuốc xịt.

Quan sát các cảnh báo ghi trên nhãn.

Các biện pháp vệ sinh

Thay ngay quần áo bẩn. Dùng biện pháp bảo vệ da. Rửa tay và mặt sau khi làm việc với hóa chất.

7.2 Các điều kiện lưu giữ an toàn, bao gồm cả bất kỳ điều kiện xung khắc nào

Điều kiện lưu trữ

Đóng chặt. Khô.

Nhiệt độ lưu giữ đề nghị, xem nhãn sản phẩm.

7.3 Sử dụng cụ thể

Ngoài các cách sử dụng được đề cập trong phần 1.2, không thấy trước cách sử dụng cụ thể nào khác.

Phần 8. Kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân

8.1 Các thông số kiểm soát

Không chứa các chất có giá trị giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp.

8.2 Kiểm soát phơi nhiễm

Các biện pháp kỹ thuật

Các phương pháp kỹ thuật và thao tác làm việc phù hợp phải được ưu tiên đối với việc sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân.

Xem phần 7.1.

Các biện pháp bảo hộ cá nhân

Quần áo bảo hộ cần phải được chọn cụ thể cho nơi làm việc, tùy vào nồng độ và lượng hóa chất nguy hiểm được xử lý. Phải yêu cầu thiết bị bảo vệ chống hóa chất tại nhà cung cấp tương ứng.

Bảo vệ mắt/mặt

Kính bảo hộ vừa khí

Bảo vệ tay

tiếp xúc hoàn toàn:

Chất liệu găng tay:	cao su butyl
Độ dày của găng:	0,7 mm
Thời gian thấm:	> 480 min

tiếp xúc một lượng nhỏ:

Chất liệu găng tay:	mủ cao su thiên nhiên
Độ dày của găng:	0,6 mm
Thời gian thấm:	> 30 min

Găng tay bảo hộ được sử dụng phải tuân theo các thông số của Chỉ thị EC 89/686/EEC và EN374 chuẩn có liên quan chẳng hạn KCL 898 Butoject® (tiếp xúc hoàn toàn), KCL 706 Lapren® (tiếp xúc một lượng nhỏ).

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT
theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục
Tên sản phẩm

808261
Trifluoroacetic anhydride for synthesis

Số lần thử nghiệm được nêu ở trên được xác định bằng KCL trong các thử nghiệm trong phòng thí nghiệm theo EN374 với các mẫu về loại găng tay được đề xuất.
Đề xuất này chỉ áp dụng cho sản phẩm được nêu trong tờ dữ liệu an toàn, do chúng tôi cung cấp và cho mục đích sử dụng được chỉ định. Khi hòa tan hoặc trộn với các hóa chất khác và trong các điều kiện sai khác với các

Thiết bị bảo hộ khác
quần áo bảo hộ

Bảo vệ hô hấp

bắt buộc khi có hơi/thuốc xịt.

Loại bộ lọc đề xuất: Bình lọc B-(P3)

Công ty phải đảm bảo rằng việc bảo trì, lau chùi và kiểm tra thiết bị bảo vệ hô hấp được tiến hành theo hướng dẫn của nhà sản xuất. Các phương pháp này phải được lập thành tài liệu đúng cách.

Kiểm soát phơi nhiễm môi trường

Không được đổ xuống cống.

Phần 9. Các tính chất vật lý và hóa học

9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hóa học

Hình thể	thể lỏng
Màu sắc	không màu
Mùi đặc trưng	Gây nhức
Ngưỡng mùi	Không có thông tin.
Độ pH	Không có thông tin.
Điểm nóng chảy	-65 °C
Điểm sôi/khoảng sôi	40 °C ở 1.013 hPa
Điểm chớp cháy	Không có thông tin.
Tỷ lệ hóa hơi	Không có thông tin.
Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	Không có thông tin.
Giới hạn dưới của cháy nổ	Không có thông tin.
Giới hạn trên của cháy nổ	Không có thông tin.
Áp suất hóa hơi	405 hPa ở 20 °C
Tỷ trọng hơi tương đối	Không có thông tin.
Mật độ	1,51 g/cm ³ ở 20 °C

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT
theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục 808261
Tên sản phẩm Trifluoroacetic anhydride for synthesis

Tỷ trọng tương đối	Không có thông tin.
Tính tan trong nước	ở 20 °C (phân hủy mạnh), Sự thủy phân
Hệ số phân tán: n-octanol/nước	Không có thông tin.
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có thông tin.
Nhiệt độ phân hủy	Không có thông tin.
Độ nhớt, động lực	Không có thông tin.
Đặc tính cháy nổ	Không được phân loại là dễ nổ.
Đặc tính ôxy hóa	không

9.2 Các dữ liệu khác

không

Phần 10. Tính ổn định và tính phản ứng

10.1 Khả năng phản ứng thủy phân

10.2 Tính ổn định hóa học mẫn cảm với độ ẩm

10.3 Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm

Có thể phản ứng mạnh với:

Nước, Các kim loại kiềm, Các chất kiềm, Các chất oxy hóa mạnh, Axit mạnh, Cồn

10.4 Các điều kiện cần tránh

Tiếp xúc với hơi ẩm.

10.5 Các vật liệu xung khắc

không có thông tin

10.6 Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm

trong trường hợp có hỏa hoạn: Xem chương 5.

Phần 11. Thông tin độc học

11.1 Thông tin về các ảnh hưởng độc sinh thái

Độc tính cấp theo đường miệng

Triệu chứng: Nếu ăn phải, sẽ gây bỏng nặng miệng và cổ họng, cũng như có nguy cơ thủng thực quản và dạ dày.

Độc tính cấp do hít phải

Ước lượng độc tính cấp: 11,1 mg/l; hơi

Đánh giá của chuyên gia

Triệu chứng: bỏng màng nhầy, Ho, Khó thở, Hít vào có thể dẫn đến phù nề trong khoang hô hấp., Hư hỏng có thể:, hư hỏng khoang hô hấp
hấp thụ

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT
theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục
Tên sản phẩm

808261
Trifluoroacetic anhydride for synthesis

Độc tính cấp qua da

hấp thụ

Kích ứng da

Xu hướng chữa lành vết thương kém sau khi có sự xâm nhập của chất.
Gây bỏng nặng.

Kích ứng mắt

Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.
Rủi ro bị mù!

Nhạy cảm

Thông tin này không có sẵn.

Biến đổi tế bào gốc

Thông tin này không có sẵn.

Độc tính gây ung thư

Thông tin này không có sẵn.

Độc tính đối với sinh sản

Thông tin này không có sẵn.

Độc tính gây quái thai

Thông tin này không có sẵn.

Độc tính hệ thống lên cơ quan mục tiêu cụ thể (Phơi nhiễm đơn lẻ)

Các cơ quan đích: Hệ hô hấp
Có thể gây kích ứng hô hấp.

Độc tính tổng thể lên cơ quan đích cụ thể - phơi nhiễm nhiều lần

Thông tin này không có sẵn.

Nguy cơ hô hấp

Thông tin này không có sẵn.

11.2 Thông tin khác

Phân hủy chất khi có độ ẩm ở mô.
Không loại trừ các đặc tính nguy hiểm khác
Xử lý theo các biện pháp an toàn vệ sinh công nghiệp.

Phần 12. Thông tin sinh thái học

12.1 Độc tính

Không có thông tin.

12.2 Tính bền vững và phân hủy

Không có thông tin.

12.3 Tiềm năng tích lũy sinh học

Không có thông tin.

12.4 Tính biến đổi trong đất

Không có thông tin.

12.5 Kết quả đánh giá PBT và vPvB

Không có đánh giá PBT/vPvB vì đánh giá an toàn hóa chất không bắt buộc/không được tiến hành.

12.6 Các ảnh hưởng có hại khác

Các thông tin sinh thái khác

Hiệu ứng sinh học:

Tác dụng có hại do thay đổi pH.

Môi nguy hiểm đối với nguồn cấp nước uống.

Cần tránh thải loại vào môi trường.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT
theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục
Tên sản phẩm

808261
Trifluoroacetic anhydride for synthesis

Phần 13. Các lưu ý về tiêu hủy

Các phương pháp xử lý chất thải

Rác thải phải được vớt bỏ theo Thông tư 2008/98/EC về rác thải cũng như các quy định khác của địa phương và nhà nước. Để nguyên hóa chất trong hộp đựng ban đầu. Không để lẫn với rác thải khác. Xử lý các hộp đựng bẩn giống như xử lý sản phẩm

Xem www.retrologistik.com để biết quy trình về việc trả lại hóa chất và bình chứa hoặc liên hệ với chúng tôi nếu có câu hỏi nào khác.

Phần 14. Thông tin vận chuyển

Vận tải mặt đất (ADR/RID)

14.1 Số UN	UN 3265
14.2 Tên vận chuyển thích hợp	CORROSIVE LIQUID, ACIDIC, ORGANIC, N.O.S. (TRIFLUOROACETIC ANHYDRIDE)
14.3 Hạng	8
14.4 Nhóm đóng gói	I
14.5 môi trường độc hại	--
14.6 Khuyến cáo đặc biệt cho người sử dụng	có
Mã giới hạn đối với vận chuyển qua đường hầm	E

Vận tải đường thủy nội địa (ADN)

Không liên quan

Vận tải đường không (IATA)

14.1 Số UN	UN 3265
14.2 Tên vận chuyển thích hợp	CORROSIVE LIQUID, ACIDIC, ORGANIC, N.O.S. (TRIFLUOROACETIC ANHYDRIDE)
14.3 Hạng	8
14.4 Nhóm đóng gói	I
14.5 môi trường độc hại	--
14.6 Khuyến cáo đặc biệt cho người sử dụng	không

Vận tải đường biển (IMDG)

14.1 Số UN	UN 3265
14.2 Tên vận chuyển thích hợp	CORROSIVE LIQUID, ACIDIC, ORGANIC, N.O.S. (TRIFLUOROACETIC ANHYDRIDE)
14.3 Hạng	8
14.4 Nhóm đóng gói	I
14.5 môi trường độc hại	--
14.6 Khuyến cáo đặc biệt cho người sử dụng	có
EmS	F-A S-B

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT
theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục 808261
Tên sản phẩm Trifluoroacetic anhydride for synthesis

14.7 Vận chuyển khối lượng lớn theo như Phụ lục II của MARPOL 73/78 và luật IBC
Không liên quan

Phần 15. Thông tin pháp luật

15.1 Các quy định/lệnh pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể đối với chất và hỗn hợp

Luật pháp quốc gia

Lớp cất giữ 8B

15.2 Đánh giá An toàn Hóa chất

Đối với sản phẩm này, đánh giá an toàn hóa học theo quy định REACH của E U Số 1907/2006 không được thực hiện.

Phần 16. Các thông tin khác

Nội dung chi tiết của Bảng kê H có liên quan đến mục 2 và 3.

H314	Gây bỏng da nặng và tổn thương mắt.
H332	Có hại nếu hít phải.
H335	Có thể gây kích ứng hô hấp.
H412	Có hại tới thủy sinh vật do có các ảnh hưởng lâu dài.

Nguyên văn của các thuật ngữ-R đề cập trong phần 2 và 3

R20	Có hại do hít phải.
R35	Gây bỏng nặng.
R52/53	Có hại đối với thủy sinh vật, có thể gây các ảnh hưởng có hại lâu dài trong môi trường thủy sinh.

Tư vấn về đào tạo

Cung cấp đầy đủ thông tin, chỉ dẫn và đào tạo cho người sử dụng.

Dán nhãn

Hình đồ cảnh báo nguy cơ



Lời cảnh báo

Nguy hiểm

Cảnh báo nguy hiểm

H314 Gây bỏng da nặng và tổn thương mắt.
H332 Có hại nếu hít phải.
H335 Có thể gây kích ứng hô hấp.
H412 Có hại tới thủy sinh vật do có các ảnh hưởng lâu dài.
EUH014 Phản ứng mãnh liệt với nước.

Các lưu ý phòng ngừa

Biện pháp phòng ngừa

P273 Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường.
P280 Đeo găng tay bảo hộ/ mặc quần áo bảo hộ/ bảo vệ mắt/ bảo vệ mặt.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT
theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục
Tên sản phẩm

808261
Trifluoroacetic anhydride for synthesis


Biện pháp ứng phó

P301 + P330 + P331 NẾU NUỐT PHẢI: Súc miệng. KHÔNG ĐƯỢC gây nôn.

P305 + P351 + P338 NẾU TIẾP XÚC LÊN MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu đang đeo và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa.

P308 + P310 Nếu bị phơi nhiễm hoặc có băn khoăn: Gọi ngay cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sỹ.

Dán nhãn (67/548/EEC hoặc 1999/45/EC)

(Các) Biểu tượng  C Ăn mòn

(Các) Thuật ngữ Rủi ro 14-20-35-52/53


Phản ứng mãnh liệt với nước. Có hại do hít phải. Gây bỏng nặng. Có hại đối với thủy sinh vật, có thể gây các ảnh hưởng có hại lâu dài trong môi trường thủy sinh.

(Các) Thuật ngữ An toàn 26-36/37/39-45-61

Trong trường hợp tiếp xúc với mắt, ngay lập tức rửa sạch nhẹ nhàng bằng thật nhiều nước và xin ý kiến thầy thuốc. Mặc quần áo, găng tay bảo hộ và các thiết bị bảo hộ mắt/mặt thích hợp. Trong trường hợp bị tai nạn hoặc nếu bạn cảm thấy không khỏe, ngay lập tức xin ý kiến của thầy thuốc (có thể đưa nhãn của nó cho thầy thuốc xem nếu có thể) Tránh giải phóng ra môi trường. Tham khảo các hướng dẫn đặc biệt/Các bảng dữ liệu an toàn.

Số EC 206-982-9

Ghi nhãn bị giảm (≤ 125 ml)

(Các) Biểu tượng  C Ăn mòn

(Các) Thuật ngữ Rủi ro 20-35-52/53

Có hại do hít phải. Gây bỏng nặng. Có hại đối với thủy sinh vật, có thể gây các ảnh hưởng có hại lâu dài trong môi trường thủy sinh.

(Các) Thuật ngữ An toàn 26-36/37/39-45

Trong trường hợp tiếp xúc với mắt, ngay lập tức rửa sạch nhẹ nhàng bằng thật nhiều nước và xin ý kiến thầy thuốc. Mặc quần áo, găng tay bảo hộ và các thiết bị bảo hộ mắt/mặt thích hợp. Trong trường hợp bị tai nạn hoặc nếu bạn cảm thấy không khỏe, ngay lập tức xin ý kiến của thầy thuốc (có thể đưa nhãn của nó cho thầy thuốc xem nếu có thể)

Chú thích đối với các từ viết tắt sử dụng trong Bảng dữ liệu an toàn

Có thể tìm từ viết tắt và cụm từ viết tắt tại <http://www.wikipedia.org>.

Thông tin có ở đây dựa trên vốn kiến thức hiện tại của chúng tôi. Thông tin mô tả sản phẩm liên quan đến các biện pháp an toàn phù hợp. Thông tin không tuyên bố sự đảm bảo về bất kỳ đặc điểm nào của sản phẩm.